TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2023/DS-PT
Ngày 10-01-2023
V/v: tranh chấp yêu cầu mở lối đi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có **:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Tố Hương.

Các Thẩm phán: 1. Ông Nguyễn Văn Toàn.

2. Ông Trần Nam Trung.

- Thư ký phiên tòa**:** ông Nguyễn Văn Út, thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Tăng Thị Thúy Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 182/2022/TLPT-DS, ngày 03 tháng 11 năm 2022, về tranh chấp yêu cầu mở lối đi.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 33/2022/DS-ST, ngày 18-8-2022 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 248/2022/QĐ-PT ngày 23 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông A, sinh năm 1988 (có mặt). Địa chỉ: ấp H, xã Đ, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* ông Hoàng Văn Quyết, Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư Hoàng Văn Quyết, Đoàn luật sư tỉnh Sóc Trăng (có mặt). Địa chỉ: Số 25/28 đường Lý Tự Trọng, Phường 2, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn:* Ông B, sinh năm 1967 (có mặt). Địa chỉ: Ấp Hòa Thượng, xã Ngọc Đông, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:* ông Nguyễn Hùng Việt, Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư Nguyễn Hùng Việt, Đoàn luật sư tỉnh Sóc Trăng (có mặt). Địa chỉ: số 144/27 Trần Hưng Đạo, phường 2, thành phố Sóc Trăng.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông NLQ 1, sinh năm 1978 (vắng mặt);

2. Bà NLQ 2, sinh năm 1940 (vắng mặt);

3. Bà NLQ 3, sinh năm 1971 (vắng mặt);

4. Ông NLQ 4, sinh năm 1991 (vắng mặt);

5. Ông NLQ 5, sinh năm 1995(vắng mặt);

6. Bà NLQ 6 (vắng mặt);

7. Bà NLQ 7 (vắng mặt);

8. NLQ 8. Người diện theo pháp luật: Linh mục H (vắng mặt). Cùng địa chỉ: Ấp Hoà Thượng, xã Ngọc Đông, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

- Người kháng cáo: Bị đơn ông B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 14 tháng 12 năm 2020, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông A trình bày:

Tôi sinh sống tại nhà số 108 ấp H, xã Đ, huyện M, tỉnh Sóc Trăng, căn nhà được xây cất trên thửa đất số 416, diện tích 2.145 m^2, phần đất này do cha mẹ cho. Nguồn gốc đất được cha mẹ nhận chuyển nhượng của ông T và bà L từ năm 1997, sau khi nhận chuyển nhượng gia đình cất nhà ở từ đó tới nay.

Từ năm 1997 đến nay, gia đình tôi sử dụng đường đi từ nhà ra đường công cộng Tỉnh lộ 936 chiều dài khoảng 40 mét, chiều ngang 1,2 mét, trong đó có một phần đi qua đất hiện đang tranh chấp với ông B và lối đi được gia đình tôi làm cầu bê tông qua kênh, lót đal xi măng từ năm 2007, trước đó thì làm cầu cây gỗ rồi thay bằng cầu xi măng, gia đình tôi sử dụng liên tục không có tranh chấp, khi làm cầu đi thì ông B cũng không có ý kiến gì, nhưng vào ngày 25/11/2020 ông B lấy cây, xếp đá và dựng cây sắt chặn đường không cho gia đình tôi đi, hiện nay thì ông B xây cất nhà tiền chế chắn lối đi.

Ngoài lối đi tôi yêu cầu mở hiện nay, gia đình tôi không còn lối đi nào khác. Khi bị ông B chặn đường đi thì gia đình tôi đi nhờ cầu của gia đình ông Phong cách nhà của tôi khoảng 100 mét và phải đi qua phần đất của ông Binh và đất ông Chiến nhưng bờ đất hiện nay cây cỏ đã mọc um tùm và trời mưa không chạy xe được. Hiện nay gia đình tôi đi bộ qua cầu xi măng để đi qua đường lộ nhựa nhưng đường quá nhỏ do đã bị ông B xây nhà chắn ngang.

Nay tôi yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông B và gia đình tháo dỡ và di dời nhà và mọi công trình khác trên đất để mở lối đi cho gia đình tôi trên phần đất theo đo đạc thực tế có chiều ngang 02 mét, chiều dài thứ nhất là 9,09 mét và chiều dài thứ hai là 9,70 mét, đi từ nhà tại thửa số 416 ra đường công cộng Tỉnh lộ 936, ấp H, xã Đ, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

- Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà sơ thẩm, bị đơn ông B trình bày:

Tôi không đồng ý đối với yêu cầu của ông A. Phần đất tranh chấp hiện nay và phần đất gia đình ông A đang cất nhà ở có nguồn gốc là đất gốc là của gia đình tôi có từ trước tiếp thu (tức trước năm 1975). Sau đó nhà nước lấy trang trải cho ông T bà L, ngụ cùng ấp. Khi nhà nước có chủ trương trả lại đất gốc cho chủ cũ thì phần đất của ông T bà L nhận trang trải của gia đình tôi trả lại cho gia đình tôi nhưng gia đình tôi bán phần đất này cho ông T, bà L để nhận lúa. Vào khoảng năm 1997 thì ông T bà L bán phần đất hiện nay cho gia đình ông A, sau đó gia đình ông A cất nhà ở cho bà ngoại ông A là bà P, bà P cho con là Y và con rể là Y, hiện nay là nhà ông A đang ở. Còn đối với phần đất bên lộ là phần tranh chấp hiện nay tôi đã cất nhà thì vẫn là phần đất của gia đình tôi thuộc thửa số 414. Trước đây gia đình tôi bán phần đất cho ông T, bà L là chỉ bán phần đất phía bên sông, còn phần đất cặp Tỉnh lộ 936 thì là của gia đình tôi, không có bán cho ông T, bà L.

Vào năm 1997 thì bà P (là bà ngoại ông A) làm cầu cây bắc qua sông có hỏi và tôi đồng ý, nhưng sau này làm cầu xi măng thì ông Y là con rể của bà P không có hỏi ý kiến của tôi. Vào năm 2008 thì gia đình ông A làm lại cầu nhưng tôi cũng không có ý kiến gì vì khi nào tôi cần sử dụng phần đất thì mới nói. Phần đất cặp mé lộ này hiện nay nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của tôi thuộc thửa 414 chứ không phải thửa 404 theo như sơ đồ vị trí đất. Hiện nay phần đất ông A yêu cầu mở lối đi tôi đã xây nhà tiền chế, tôi cần được ổn định chỗ ở nên không đồng ý tháo dỡ nhà mở lối đi cho gia đình ông A.

- Tại phiên hoà giải ngày 03/12/2021, đại diện người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan NLQ 8, ông H trình bày:

Phần đất tranh chấp yêu cầu mở lối đi giữa ông A và ông B theo sơ đồ vị trí xác định là thuộc thửa số 404 thuộc quyền sử dụng đất của NLQ 8 là đúng. Thời điểm nhà nước làm đường Tỉnh lộ 936 thì NLQ 8 đã giao phần đất này cho nhà nước, phần đất tranh chấp hiện nay thuộc phạm vi lộ giới, thuộc hành lang bảo vệ công trình đường Tỉnh lộ 936 nên NLQ 8 giao cho nhà nước toàn quyền quản lý phần đất tranh chấp này. NLQ 8 không có ý kiến và không có yêu cầu gì đối với phần đất tranh chấp yêu cầu mở lối đi giữa ông A và ông B.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông NLQ 1, bà NLQ 2, bà NLQ 3, ông NLQ 4, ông NLQ 5, bà NLQ 6, bà NLQ 7: Trong suốt quá trình giải quyết vụ án không có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông A.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 33/2022/DS-ST, ngày 18-8-2022 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng, quyết định như sau:

Căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, 157, 165, 271, khoản 1 Điều 273, Điều 278 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ Điều 254 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông A.

Buộc ông B và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà NLQ 2, bà NLQ 3, ông NLQ 4, ông NLQ 5, bà NLQ 6, bà NLQ 7 có trách nhiệm tháo dỡ, di dời nhà và mọi công trình khác trên đất để mở lối đi cho gia đình ông A trên phần đất diện tích 18,3 m^2, thuộc thửa 404, tờ bản đồ số 3, đất toạ lạc ấp H, xã Đ, huyện M, tỉnh Sóc Trăng, có số đo như sau:

Hướng Đông giáp đường Tỉnh lộ 936, có số đo 02m

Hướng Tây giáp kênh thuỷ lợi có số đo 02m

Hướng Nam giáp đất ông B đang sử dụng, có số đo 9,7m

Hướng Bắc giáp đất ông O đang sử dụng, có số đo 9,09m

2. Về chi phí tố tụng: Ông B phải chịu phí tố tụng là 2.925.323 đồng (hai triệu chín trăm hai mươi lăm nghìn ba trăm hai mươi ba đồng). Do nguyên đơn ông A đã nộp tạm ứng trước nên buộc ông B phải chịu số tiền 2.925.323 đồng để hoàn trả cho ông A.

3. Về án phí: Bị đơn ông B phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho ông A số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0007463 ngày 21/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M.

Ngày 31-8-2022 bị đơn ông B kháng cáo yêu cầu xem xét lại bản án sơ thẩm và hủy toàn bộ bản án sơ thẩm với các lý do: Bản án sơ thẩm cho rằng phần đất tranh chấp yêu cầu mở lối đi thuộc thửa số 404 tờ bản đồ số 03 diện tích 18,3m^2 và toàn bộ diện tích đất nầy nằm trong phạm vi lộ giới là không đúng, xuất hiện chồng lấn cùng một diện tích đất mà cấp sổ đỏ cho hai người sử dụng khác nhau, trong đó gồm thửa 404 và thửa 414. Do vậy yêu cầu xác định lại nguồn gốc phần đất chồng lấn để xác định phần đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng của ai; yêu cầu thu thập tài liệu liên quan đến thửa đất cấp chồng lấn; kiểm tra thủ tục đo đạc hiện trạng thửa đất.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn thay đổi một phần nội dung đơn kháng cáo, yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét trường hợp không hủy bản án sơ thẩm thì ghi nhận ý kiến của bị đơn đồng ý mở lối đi cho bị đơn phần đất có chiều ngang 1,2 mét tính từ vách thiếc của căn nhà tiền chế do bị đơn xây cất và chiều dài 9,7 mét tính từ mí chân cầu do bị đơn xây cất đo về hướng lộ giới.

Tại phiên tòa phúc thẩm người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị đơn, sửa bản án dân sự sơ thẩm.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án đúng quy định của pháp luật. Nhận xét trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân theo pháp luật tố tụng; Đối với các đương sự: nguyên đơn, bị đơn thực hiện quyền, nghĩa vụ đúng quy định của pháp luật. Riêng những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện quyền, nghĩa vụ đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Sau khi phân tích đơn kháng cáo của bị đơn, sau cùng vị đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần đơn kháng cáo của bị đơn, áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, sửa một phần bản án sơ thẩm số 33/2022/DS-ST, ngày 18-8-2022 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của bị đơn ông B làm trong thời hạn, về hình thức và nội dung đơn kháng cáo phù hợp với quy định tại các Điều 271, 272, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự, nên kháng cáo được xem xét theo trình tự thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn ông B thay đổi một phần đơn kháng cáo, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, nhận thấy việc thay đổi nội dung đơn kháng cáo không vượt quá phạm vi kháng cáo ban đầu, căn cứ khoản 2 Điều 284 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi kháng cáo của bị đơn.

[1.3] Tại phiên tòa những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: bà NLQ 2, bà NLQ 3, ông NLQ 4, ông NLQ 5, bà NLQ 6, bà NLQ 7 và người diện theo pháp luật của NLQ 8 tất cả được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng tất cả đều vắng mặt. Căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt tất cả những người này.

[2] Về nội dung:

[2.1] Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn ông A yêu cầu buộc ông B tháo dỡ, di dời nhà và mọi công trình khác cản trở để mở lối đi cho gia đình ông A theo đo đạc thực tế có chiều ngang 02 mét, chiều dài thứ nhất là 9,09 mét và chiều dài thứ hai là 9,70 mét để làm lối đi cho gia đình của ông đi từ nhà tại thửa số 416 ra đường Tỉnh lộ 936, phần đất tọa lạc ấp H, xã Đ, huyện M, tỉnh Sóc Trăng, vì căn nhà tiền chế do ông B cất có một phần nằm trong lối đi cũ trước đây, trường hợp không buộc ông B tháo dỡ một phần căn nhà thì cũng phải chừa lối đi cho gia đình của ông có chiều ngang là 02 mét (tính từ vách tường nhà do ông B xây cất đo về phần đất trống hướng nhà của bà E sử dụng), đồng thời ông A cũng trình bày là vào khoảng tháng 3/2021 ông tự dở các tấm đal xi măng do ông B chặn tại chân cầu để đi ra lộ và từ khi dở các tấm đal cho đến nay thì gia đình của ông vẫn đi lại bình thường.

[2.2] Tại phiên tòa phúc thẩm ông B trình bày: tôi đồng ý xác định phần đất làm lối đi cho gia đình của ông A có chiều ngang là 1,2 mét tính từ vách nhà tiền chế do tôi xây cất đo về phần đất trống do bà E quản lý, trong đó có 01 mét là đất do tôi quản lý sử dụng, còn 0,2 mét là của bà E, vì trước đây tôi đã làm giấy tay chuyển nhượng cho bà E phần đất chiều ngang 10 mét, nhưng bà E đã cất nhà tiền chế còn để lại phần đất trống có chiều ngang là 1,8 mét, tôi sẽ thỏa thuận với bà E phần đất để lại phần đất trống chiều ngang 01 mét, chiều dài 9,7 mét

[2.3] Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, ông H là người đại diện hợp pháp của NLQ 8 trình bày: phần đất tranh chấp yêu cầu mở lối đi giữa ông A và ông B thuộc thửa 404 được Ủy ban nhân dân huyện M cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Giáo xứ Hòa Thượng vào ngày 14-10-1993, thời điểm Nhà nước làm đường Tỉnh lộ 936 thì NLQ 8 đã giao phần đất này cho Nhà nước, phần đất tranh chấp hiện nay thuộc phạm vi lộ giới, thuộc hành lang bảo vệ công trình đường Tỉnh lộ 936 nên NLQ 8 giao cho nhà nước toàn quyền quản lý phần đất tranh chấp này. NLQ 8 không có ý kiến và không có yêu cầu gì.

[2.4] Tại biên bản đo đạc thẩm định tại chổ do Tòa án nhân dân huyện M lập ngày 04-3-2021 thể hiện: tài sản trên đất gồm nhà tiền chế có diện tích 5,2 x 5,83 có kết cấu nền gạch men, vách tol + tường (3,5 x 5,83), mái tol đỡ mái thép, cột thép: Phần ghi chú: căn nhà nêu trên nằm trên một phần đất tranh chấp như sau: nhà tiền chế mặt trước ngang 2,62m, mặt sau 0,8m, chiều dài 5,83m (bút lục số 106).

[2.5] Tại phiên tòa phúc thẩm các bên đương sự có cung cấp hình ảnh lối đi từ nhà của ông A ra đường Tỉnh lộ 936 và đồng thời theo sơ đồ vị trí do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện M cung cấp thể hiện từ nhà ông A đi ra đường Tỉnh lộ thì phải đi qua cây cầu xi măng do gia đình ông A xây có chiều dài 24,5 mét, từ chân cầu ra lộ là đường đất có chiều dài 9,7 mét.

[2.6] Tại biên bản xác minh ngày 14-11-2022 thể hiện: từ vách tường của căn nhà tiền chế do ông B xây cất đo về hướng nhà bà E xây cất là phần đất trống có chiều ngang là 2,8 mét trong đó phần đất của ông B quản lý để trống có chiều ngang 01 mét, phần đất trống do bà E quản lý có chiều ngang là 1,8 mét, chiều dài từ chân cầu đo ra lề lộ là 9,7 mét.

[2.7] Tại Công văn số 551/UBND-VP ngày 21-7-2021 phúc đáp công văn số 171/2021/Cv.TA ngày 14-6-2021 của Tòa án nhân dân huyện M có nội dung như sau: theo sơ đồ vị trí đất ngày 05-5-2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện M, phần đất có diện tích 18,3m^2 loại ONT+CLN thuộc thửa số 404 tờ bản đồ số 3 tọa lạc tại ấp H, xã Đ, huyện M, tỉnh Sóc Trăng thuộc hành lang bảo vệ công trình đường Tỉnh lộ 936 và hiện Nhà nước chưa thu hồi đất. Thửa đất 404 tờ bản đồ số 3, toạ lạc ấp H, xã Đ, được Ủy ban nhân dân huyện M cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 708317 cho Giáo xứ Hòa Thượng (bút lục số 139).

[2.8] Xét thấy, gia đình của ông A có căn nhà được xây cất trên thửa số 416, từ nhà của ông A đi ra đường Tỉnh lộ 936 thì phải qua con kinh thủy lợi và thực tế gia đình của ông A đã xây cây cầu đúc xi măng chiều dài 24,5 mét, chiều ngang lọt lòng

cầu là 01 mét, rồi đến đường đất có chiều dài 9,7 mét, đường đất thuộc thửa đất 404 tờ bản đồ số 3, toạ lạc ấp H, xã Đ, được Ủy ban nhân dân huyện M cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 708317 cho Giáo xứ Hòa Thượng.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 254 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về quyền về lối đi qua có nội dung:*"1. Chủ sở hữu có bất động sản bị vây bọc bởi các bất động sản của các chủ sở hữu khác mà không có hoặc không đủ lối đi ra đường công cộng, có quyền yêu cầu chủ sở hữu bất động sản vây bọc dành cho mình một lối đi hợp lý trên phần đất của họ. Lối đi được mở trên bất động sản liền kề nào mà được coi là thuận tiện và hợp lý nhất, có tính đến đặc điểm cụ thể của địa điểm, lợi ích của bất động sản bị vây bọc và thiệt hại gây ra là ít nhất cho bất động sản có mở lối đi...."*.

Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông A, buộc ông B mở lối đi cho gia đình của ông A là có cơ sở. Tuy nhiên, theo lời trình bày và các hình ảnh do các bên đương sự cung cấp tại phiên tòa phúc thẩm thấy rằng thực tế từ tháng 3 năm 2021 đến nay thì gia đình của ông A vẫn đi lại sinh hoạt bình thường trên phần đất trống liền kề với căn nhà tiền chế do ông B cất. Phần đất trống này có chiều ngang 01 mét cũng bằng với chiều ngang lòng cây cầu do ông A xây, nên cấp sơ thẩm buộc phía gia đình của ông B tháo dỡ một phần căn nhà tiền chế để mở lối đi cho gia đình của ông A là chưa hợp lý, nên cần sửa lại một phần bản án sơ thẩm về lối đi này.

Tại phiên tòa ông B trình bày đồng ý để phần đất trống cho gia đình của ông A làm lối đi có chiều ngang 1,2 mét, trong đó có 01 mét do ông quản lý và 0,2 mét do bà E quản lý và ông sẽ thỏa thuận với bà E. Xét thấy, do cấp sơ thẩm không đưa bà E vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, nên ý kiến trình bày của ông B ảnh hưởng đến quyền lợi của bà E, do vậy, Hội đồng xét xử chỉ xem xét xác định phần lối đi cho gia đình của ông A có chiều ngang là 01 mét, chiều dài 9,7 mét.

Với những phân tích nêu trên, nhận thấy kháng cáo của bị đơn ông B và lời đề nghị của vị Luật sư bảo vệ quyền lợi hợp pháp của bị đơn có một phần cơ sở được chấp nhận. Vị Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm là không được chấp nhận.

Với những phân tích nêu trên, nhận thấy đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[3] Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bị đơn được chấp nhận, nên bị đơn không phải chịu án dân sự phúc thẩm theo qui định tại khoản 2 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 2 điều 308, khoản 2 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chấp nhận một phần đơn kháng cáo của bị đơn ông B.

Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số số 33/2022/DS-ST, ngày 18-8-2022 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng, như sau:

Căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, 157, 165, 271, khoản 1 Điều 273, Điều 278 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 2 Điều 27, khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ Điều 254 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông A.

Buộc ông B và những người thân trong hộ gia đình gồm bà NLQ 2, bà NLQ 3, ông NLQ 4, ông NLQ 5, bà NLQ 6, bà NLQ 7 không được cản trở gia đình của ông A sử dụng phần đất làm lối đi có diện tích 9,7 m^2, thuộc thửa 404, tờ bản đồ số 3, đất toạ lạc ấp H, xã Đ, huyện M, tỉnh Sóc Trăng, phần đất có số đo các cạnh như sau:

- Hướng Đông giáp đường Tỉnh lộ 936, có số đo 01 mét.

- Hướng Tây giáp kênh thuỷ lợi có số đo 01 mét (tính từ điểm chân cầu giáp vách nhà do ông B xây cất đo về hướng đất phần đất bà E, ông O đanh sử dụng, hiện tại là phần đất trống).

- Hướng Nam giáp đất ông B đang sử dụng, có số đo 9,7 mét (tính từ điểm chân cầu giáp vách nhà do ông B xây cất).

- Hướng Bắc giáp đất bà E, ông O đang sử dụng, có số đo 9,7 mét, hiện tại là phần đất trống).

2. Về chi phí thẩm định định giá: Ông B đồng ý chịu phí là 2.925.323 đồng (hai triệu chín trăm hai mươi lăm nghìn ba trăm hai mươi ba đồng), do ông A đã nộp tạm ứng trước nên ông B hoàn trả cho ông A số tiền này.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông B phải chịu số tiền là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng),

Ông A không phải chịu, hoàn trả cho ông A số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng theo biên lai thu số 0007463 ngày 21/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm ông B không phải chịu, hoàn trả cho ông B số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên

lai thu tiền số 0005512 ngày 05-9-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND huyện M;
- Chi cục THA huyện M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trương Tố Hương